

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định.

CÔNG TY

Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn Nhà nước) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100259564, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010. Thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty có 18 Chi nhánh hoạt động độc lập, 3 Công ty liên kết, 2 Công ty đầu tư dài hạn.

Tên viết tắt: BIDIPHAR

Trụ sở chính: Số 498 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Quá	Chủ tịch
	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Ủy viên
	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Ủy viên
	Ông Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Mai Hoa	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Mai Anh	Ủy viên

Ban Kiểm soát	Bà Huỳnh Ngọc Bạch Phượng	Trưởng ban
	Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Thành viên
	Bà Trinh Phương Mai	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Quá	Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Huỳnh Ngọc Oanh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Giang	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014 của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định,



Nguyễn Văn Quá
Tổng Giám đốc

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Số: 204/2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014
của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định, được lập ngày 23/3/2015, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trương Văn Nghĩa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1140-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015*

Trần Thị Hương Quỳnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/03/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		492.865.805.456	-
(100 = 110+120+130+140+150)				
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	138.943.070.425	-
1. Tiền	111		138.943.070.425	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		759.696.255	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	759.696.255	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		256.282.853.247	-
1. Phải thu khách hàng	131		252.531.873.358	-
2. Trả trước cho người bán	132		712.920.151	-
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	3.185.927.738	-
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(147.868.000)	-
IV- Hàng tồn kho	140		94.796.338.978	-
1. Hàng tồn kho	141	5.4	94.796.338.978	-
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.083.846.551	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	1.072.425.297	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.6	434.280.665	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.7	577.140.589	-
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		303.500.952.627	-
(200 = 210+220+240+250+260)				
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II- Tài sản cố định	220		118.456.714.069	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	68.635.648.980	-
- Nguyên giá	222		107.187.771.779	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.552.122.799)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	39.798.845.287	-
- Nguyên giá	228		40.476.421.336	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.576.049)	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	10.022.219.802	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		181.902.100.036	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.11	168.297.044.312	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	13.822.851.907	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(217.796.183)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.142.138.522	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.13	3.142.138.522	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		796.366.758.083	-
(270 = 100+200)				

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/03/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		486.897.991.560	-
I- Nợ ngắn hạn	310		477.723.488.366	-
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.14	72.027.516.473	-
2. Phải trả người bán	312		317.600.516.158	-
3. Người mua trả tiền trước	313		6.747.211.808	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.15	16.469.080.673	-
5. Phải trả người lao động	315		14.722.120.514	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.16	21.154.123.892	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		29.002.918.848	-
II- Nợ dài hạn	330		9.174.503.194	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.17	179.000.000	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		8.995.503.194	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		309.468.766.523	-
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.18	309.468.766.523	-
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		268.627.000.000	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.539.085.191	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.269.542.595	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		34.033.138.737	-
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		796.366.758.083	-

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập

Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quá

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Kỳ hoạt động
			từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.242.051.786.313
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		100.001.880.757
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.19	1.142.049.905.556
4. Giá vốn hàng bán	11	5.20	922.122.045.874
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		219.927.859.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	12.166.930.275
7. Chi phí tài chính	22	5.22	6.288.733.963
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.152.363.232
8. Chi phí bán hàng	24	5.23	139.758.344.967
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.24	29.254.707.861
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		56.793.003.166
11. Thu nhập khác	31	5.25	5.740.005.015
12. Chi phí khác	32	5.25	3.445.856.713
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		2.294.148.302
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		59.087.151.468
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.26	13.696.299.553
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		45.390.851.915

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quá

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014

TT	CHỈ TIÊU	MS	Kỳ hoạt động
			từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	851.651.097.345
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(577.968.648.543)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(64.170.903.925)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04	(1.796.364.264)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.457.237.847)
5.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	121.019.526.843
6.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.814.703.711)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	314.462.765.898
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.755.784.000)
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.914.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	974.568.000
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.132.784.000
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	58.826.328.884
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(93.823.387.826)
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.771.377.023
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(200.434.919.968)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(176.660.601.887)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	138.934.948.011
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ (Số liệu chuyển sang cổ phần)	60	-
	Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61	8.122.414
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	138.943.070.425

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập



Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Quá

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty TNHH Một thành viên (100% vốn Nhà nước) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 4100259564, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 09 năm 2010. Thay đổi lần thứ 2 ngày 01 tháng 03 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp về việc chuyển đổi Công ty TNHH Một thành viên thành Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (BIDIPHAR).

Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Công ty có 18 Chi nhánh hoạt động độc lập, 3 Công ty liên kết, 2 Công ty đầu tư dài hạn

Trụ sở của Công ty: Số 498 Nguyễn Thái Học, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định.

Số lao động bình quân trong kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 là: 730 người.

Các chi nhánh của Công ty:

- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Đà Nẵng.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Cần Thơ.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Hà Nội.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Nghệ An.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Dak Lak.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Quảng Trị.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Quảng Ngãi.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Khánh Hòa.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tại Đồng Nai.
- + TT Cung ứng thuốc và mỹ phẩm Quy Nhơn - Chi nhánh Công ty Dược - Trang TBYT Bình Định
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Hoài Nhơn, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Tây Sơn, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Hoài Ân, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.
- + Chi nhánh Công ty Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định Thị xã An Nhơn, Tỉnh Bình Định.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu, chi tiết: sản xuất dược phẩm, dược liệu; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình, chi tiết: bán buôn dược phẩm, dược liệu, dụng cụ, vật tư ngành y tế; Bán lẻ thuốc dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh, chi tiết: bán lẻ dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm; Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Dịch vụ bảo quản thuốc, dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, dịch vụ tư vấn quản lý bảo đảm chất lượng trong sản xuất thuốc, cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất dược phẩm; Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng. Sản xuất muối iốt; Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Mua bán sữa và các sản phẩm từ sữa, thực phẩm chức năng, thực phẩm bổ sung, thực phẩm tăng cường và vi chất dinh dưỡng; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị y tế. Mua bán, lắp đặt các thiết bị văn phòng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Mua bán hóa chất, vắc xin, sinh phẩm miễn dịch, hóa chất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực y tế;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, chi tiết: Sản xuất các loại nước khoáng, nước giải khát; Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa, chi tiết: Sản xuất giấy nguyên liệu, bao bì carton; In ấn; Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh, chi tiết: Sản xuất lọ, ống thủy tinh dùng cho công nghiệp dược phẩm, tiêu dùng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Dịch vụ cho thuê nhà xưởng, nhà kho, văn phòng làm việc; Sửa chữa máy móc thiết bị, chi tiết: Sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, dụng cụ trong lĩnh vực y tế và sản xuất dược phẩm; Sản xuất mua bán lắp đặt thiết bị cơ điện lạnh, hệ thống cung cấp không khí lạnh tiết trùng, hệ thống cung cấp oxy, nitơ phục vụ ngành y tế; Sản xuất mua bán vật tư nông, lâm nghiệp; Trồng và chế biến sản phẩm từ cây công nghiệp ngắn và dài ngày; Sản xuất chế biến gỗ; Mua bán hàng nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ; Khai thác và chế biến khoáng sản./.

Trong kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Buôn bán dược phẩm, Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện...

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ HOẠT ĐỘNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Kỳ hoạt động

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này của Công ty từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	6 - 50
Máy móc và thiết bị	6 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Tài sản khác	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại Chi nhánh Hà Nội, Đà Nẵng, Quy Nhơn và Phần mềm kế toán. Quyền sử dụng đất có thời hạn trích khấu hao theo thời gian sử dụng, Phần mềm kế toán khấu hao theo đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận Doanh thu

Đối với doanh nghiệp sản xuất và thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là Bán buôn dược phẩm, vật tư y tế, thành phẩm cơ điện, hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Tiền mặt	861.718.851	-
Tiền gửi ngân hàng	138.081.351.574	-
Tổng	138.943.070.425	-

5.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác	758.302.955	-
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn:	1.393.300	-
- Cổ phiếu ACB	1.254.000	-
- Cổ phiếu STB	139.300	-
Tổng	759.696.255	-

5.3 PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Phải thu khác:	3.185.927.738	-
- Phải thu BHXH, BHYT, BHTN	474.173.029	-
- Phải thu phân xưởng cơ điện	1.304.546.760	-
- Phải thu Thuế TNCN trong đơn vị	9.345.503	-
- Phải thu tiền cổ tức	607.500.000	-
- Phải thu khác	790.362.446	-
Tổng	3.185.927.738	-

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	389.085.273	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	89.886.517	-
Thành phẩm	2.015.955.513	-
Hàng hoá	72.921.688.535	-
Hàng gửi đi bán	19.379.723.140	-
Tổng	94.796.338.978	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND	
Tại ngày 01 tháng 03		-
Tăng trong kỳ		3.749.919.457
Phân bổ vào chi phí trong kỳ		2.677.494.160
Tại ngày 31 tháng 12		1.072.425.297
		31/12/2014
		VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		1.072.425.297
Tổng		1.072.425.297

5.6 THUẾ GTGT ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	31/12/2014 VND	01/03/2014 VND
Thuế GTGT được khấu trừ	434.280.665	-
Tổng	434.280.665	-

5.7 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	01/03/2014 VND
Tạm ứng	417.423.144	-
Ký cược ký quỹ ngắn hạn	159.717.445	-
Tổng	577.140.589	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - TRANG THIẾT BỊ Y TẾ BÌNH ĐỊNH
 Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/03/2014 đến ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09-DN

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	78.728.688.224	10.357.453.732	13.144.605.999	6.160.013.372	108.390.761.327
Mua trong kỳ	1.670.217.716	1.750.626.006	1.717.863.727	4.737.845.613	9.876.553.062
Đầu tư XDCB hoàn thành	20.128.898.057	-	-	-	20.128.898.057
Số liệu bán giao sang Công ty Cổ phần	56.929.572.451	8.606.827.726	11.426.742.272	1.422.167.759	78.385.310.208
Giảm trong kỳ	-	-	1.125.758.273	77.231.275	1.202.989.548
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.125.758.273	77.231.275	1.202.989.548
Số dư tại 31/12/2014	78.728.688.224	10.357.453.732	12.018.847.726	6.082.782.097	107.187.771.779
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	22.332.437.621	7.980.471.854	7.550.328.235	1.117.992.818	38.981.230.528
Khấu hao trong kỳ	4.016.840.855	2.771.576.727	1.306.781.712	325.105.158	8.420.304.452
Số liệu bán giao sang Công ty Cổ phần	18.315.596.766	5.208.895.127	6.243.546.523	792.887.660	30.560.926.076
Giảm trong kỳ	-	-	396.842.206	32.265.523	429.107.729
Chuyển sang CCDC	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	396.842.206	32.265.523	429.107.729
Số dư tại 31/12/2014	22.332.437.621	7.980.471.854	7.153.486.029	1.085.727.295	38.552.122.799
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/03/2014	-	-	-	-	-
Tại 31/12/2014	56.396.250.603	2.376.981.878	4.865.361.697	4.997.054.802	68.635.648.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-
Tăng trong kỳ	39.767.018.086	709.403.250	40.476.421.336
Số liệu bàn giao Công ty cổ phần	37.136.053.346	709.403.250	37.845.456.596
Mua trong kỳ	2.630.964.740	-	2.630.964.740
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>39.767.018.086</u>	<u>709.403.250</u>	<u>40.476.421.336</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-
Tăng trong kỳ	333.115.569	344.460.480	677.576.049
Khấu hao trong kỳ	139.552.689	152.059.491	291.612.180
Số liệu bàn giao Công ty cổ phần	193.562.880	192.400.989	385.963.869
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại 31/12/2014	<u>333.115.569</u>	<u>344.460.480</u>	<u>677.576.049</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/03/2014	-	-	-
Tại 31/12/2014	<u>39.433.902.517</u>	<u>364.942.770</u>	<u>39.798.845.287</u>

5.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Tại ngày 01 tháng 03	-
Tăng trong kỳ	42.902.574.049
Giảm trong kỳ	32.880.354.247
- Kết chuyển tài sản cố định	20.128.898.057
- Kết chuyển giá trị thanh lý trong kỳ	2.669.850.000
- Kết chuyển khác	10.081.606.190
Tại ngày 31 tháng 12	<u>10.022.219.802</u>
	31/12/2014
	VND
Chi phí khảo sát địa chất Công trình Chi nhánh Đà Nẵng	42.461.818
Tiền mua đất Chi nhánh Quảng Trị	1.709.070.000
Chi phí dịch vụ vẽ đất Chi nhánh Khánh Hòa	4.756.000
Nhà trưng bày sản phẩm	13.636.364
Dự án trồng cây dược liệu	499.256.707
Chi phí cải tạo nhà làm việc 2 tầng	1.013.756.363
Phần mềm SAP ERP	6.739.282.550
Tổng	<u>10.022.219.802</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 ĐẦU TƯ CÔNG TY LIÊN KẾT

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Muối và Thực phẩm Bình Định	2.146.000.000	-
Công ty Cổ phần Bidiphar 1	73.282.996.312	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	92.868.048.000	-
Tổng	168.297.044.312	-

Thông tin chi tiết: về Công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014		01/03/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư vào Công ty Liên kết	11.314.085	168.297.044.312	-	-
Công ty CP Muối và Thực phẩm Bình Định	214.600	2.146.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bidiphar 1	3.954.096	73.282.996.312	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar	7.145.389	92.868.048.000	-	-

5.12 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	12.995.016.936	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Nghệ An	827.834.971	-
Tổng	13.822.851.907	-

Thông tin chi tiết: về Các khoản đầu tư dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	31/12/2014		01/03/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	473.570	13.822.851.907	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Biotan	405.000	12.995.016.936	-	-
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Nghệ An	68.570	827.834.971	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Tại ngày 01 tháng 03	-
Tăng trong kỳ	4.753.111.493
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	1.610.972.971
Tại ngày 31 tháng 12	3.142.138.522
	31/12/2014
	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.921.408.707
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	837.771.485
Giá trị lợi thế kinh doanh	20.358.330
Chi phí trả trước dài hạn khác	362.600.000
Tổng	3.142.138.522

5.14 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	01/03/2014 VND
Vay ngân hàng:	5.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Bình Định</i>	<i>5.000.000.000</i>	-
Vay cá nhân	67.027.516.473	-
Tổng	72.027.516.473	-

5.15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014 VND	01/03/2014 VND
Thuế giá trị gia tăng	897.359.849	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.596.881.423	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.974.839.401	-
Tổng	16.469.080.673	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	2.543.534.936	-
Bảo hiểm xã hội	304.768.992	-
Phải trả về cổ phần hóa	8.882.250.037	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.423.569.927	-
Tổng	21.154.123.892	-

5.17 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/03/2014
	VND	VND
Ký cược dài hạn khách hàng CN trong tỉnh	179.000.000	-
Tổng	179.000.000	-

5.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/03/2014	-	-	-	-	-
Tăng trong kỳ	268.627.000.000	4.539.085.191	2.269.542.595	45.390.851.915	320.826.479.701
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	45.390.851.915	45.390.851.915
Tăng vốn	268.627.000.000	-	-	-	268.627.000.000
Trích lập các quỹ	-	4.539.085.191	2.269.542.595	-	6.808.627.786
Giảm trong kỳ	-	-	-	11.357.713.178	11.357.713.178
Trích lập các quỹ	-	-	-	11.357.713.178	11.357.713.178
Số dư tại 31/12/2014	268.627.000.000	4.539.085.191	2.269.542.595	34.033.138.737	309.468.766.523

5.19 DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Kỳ hoạt động
từ 01/03/2014
đến 31/12/2014
VND

Doanh thu bán Dược phẩm	1.045.817.822.131
Doanh thu bán Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện	65.337.466.084
Doanh thu Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	128.548.120.169
Doanh thu khác	2.348.377.929
Tổng	1.242.051.786.313
Các khoản giảm trừ Doanh thu	100.001.880.757
Giảm giá hàng bán	94.955.243.679
Hàng bán bị trả lại	5.046.637.078
Doanh thu thuần	1.142.049.905.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Giá vốn bán Dược phẩm	736.797.012.017
Giá vốn bán Vật tư y tế, Thành phẩm cơ điện	58.736.240.372
Giá vốn Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	124.780.969.024
Giá vốn khác	1.807.824.461
Tổng	922.122.045.874

5.21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.690.267.691
Cổ tức lợi nhuận được chia	9.866.488.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	458.608.555
Doanh thu hoạt động tài chính khác	151.565.229
Tổng	12.166.930.275

5.22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí lãi vay	4.152.363.232
Chiết khấu thanh toán	1.312.619.461
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	587.825.423
Trích lập dự phòng đầu tư dài hạn	217.796.183
Chi phí tài chính khác	18.129.664
Tổng	6.288.733.963

5.23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên	55.289.633.364
Chi phí VPP, dụng cụ, đồ dùng	5.702.493.337
Chi phí khấu hao	2.393.373.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.426.110.845
Chi phí khác bằng tiền	9.946.734.247
Tổng	139.758.344.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.768.589.266
Chi phí vật liệu quản lý	53.640.526
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.575.480.074
Chi phí khấu hao	4.557.514.130
Thuế, phí, lệ phí	1.561.628.872
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.437.891.767
Chi phí khác bằng tiền	4.299.963.226
Tổng	29.254.707.861

5.25 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Thu nhập khác	
Bán lô đất Chi nhánh Nghệ An	4.774.320.000
Thanh lý tài sản	886.414.613
Thu nhập khác	79.270.402
Tổng	5.740.005.015
Chi phí khác	
Thanh lý tài sản	773.881.828
Chi phí đất Chi nhánh Nghệ An	2.669.850.000
Chi phí khác	2.124.885
Tổng	3.445.856.713
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.294.148.302

5.26 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	59.087.151.468
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	
<i>Các khoản thu nhập không chịu thuế</i>	<i>10.018.054.029</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>13.186.809.620</i>
Thu nhập chịu thuế	62.255.907.059
Thuế suất hiện hành	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.696.299.553
Tổng	13.696.299.553

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Số dư các bên liên quan

<u>Các khoản phải trả</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Mua hàng	150.013.673.953
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Mua hàng	120.652.877.957

<u>Các khoản phải thu</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Bán hàng	11.055.000

Giao dịch các bên liên quan

<u>Mua hàng</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ hoạt động</u> <u>từ 01/03/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Mua thành phẩm thuốc	388.021.998.526
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Mua thành phẩm thuốc	269.586.853.607

<u>Bán hàng</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	<u>Kỳ hoạt động</u> <u>từ 01/03/2014</u> <u>đến 31/12/2014</u> <u>VND</u>
Công ty Cổ phần Fresenius Kabi Bidiphar	Giao dịch khác	734.867.446
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bidiphar 1	Xuất nguyên liệu, bao bì	112.146.368.483

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Khi trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, doanh thu bộ phận dựa vào lĩnh vực kinh doanh là dược phẩm, thực phẩm chức năng và lĩnh vực kinh doanh khác.

	Kỳ hoạt động từ 01/03/2014 đến 31/12/2014 VND
Doanh thu thuần	
Doanh thu thuần bán dược phẩm	945.937.821.710
Doanh thu thuần bán Vật tư y tế, thành phẩm cơ điện	65.229.988.809
Doanh thu Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	128.533.717.109
Doanh thu thuần khác	2.348.377.929
Tổng	1.142.049.905.557
Lợi nhuận gộp	
Lợi nhuận gộp bán dược phẩm	209.140.809.692
Lợi nhuận gộp bán Vật tư y tế, thành phẩm cơ điện	6.493.748.437
Lợi nhuận gộp Nguyên liệu, Bao bì, CCDC	3.752.748.085
Lợi nhuận gộp khác	540.553.468
Tổng	219.927.859.682

6.3 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	01/03/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.943.070.425	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	255.717.801.096	-
Đầu tư ngắn hạn	759.696.255	-
Đầu tư dài hạn	13.822.851.907	-
Tổng	409.243.419.683	-
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	72.027.516.473	-
Phải trả người bán và phải trả khác	338.754.640.050	-
Chi phí phải trả	-	-
Tổng	410.782.156.523	-

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

6.3 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết: các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	5.000.000.000	67.027.516.473	72.027.516.473
Phải trả người bán và phải trả khác	329.440.590.250	9.314.049.800	338.754.640.050
Chi phí phải trả	-	-	-
Công nợ khác	37.938.412.995	38.177.422.042	76.115.835.037

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết: mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	138.943.070.425	-	138.943.070.425
Phải thu khách hàng và phải thu khác	254.771.073.714	946.727.382	255.717.801.096
Đầu tư ngắn hạn	759.696.255	-	759.696.255
Đầu tư dài hạn	-	181.902.100.036	181.902.100.036

6.4 Số liệu so sánh

Không có số liệu so sánh do thời điểm 01 tháng 03 năm 2014 Công ty chuyển sang hoạt động theo loại hình Công ty Cổ phần.

Bình Định, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập

Phạm Thị Thanh May

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Mai Hoa

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Quá